

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 8 - 2024
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Xuân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Lam

Ông Trần Sóng Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Tuấn - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 473/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc Tuyết N, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trung N1, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số A, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Bà N, ông N1 xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Tuyết N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông N1 tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 19/7/2019. Đây là lần đăng ký kết hôn lần đầu của bà N. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm sống và lối sống, giữa hai vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra bất hòa, hiện đã sống ly thân mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau nữa. Nay bà nhận thấy tình cảm với ông N1 không

còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Trung N1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 20/11/2019. Khi ly hôn, bà đồng ý giao cháu H cho ông Nguyễn Trung N1 trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời bà không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Theo bà N trình bày là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Theo bà N trình bày là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại Biên bản lấy lời khai ông Nguyễn Trung N1 trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà N kết hôn với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn, có tổ chức đám cưới, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu sau đó đến năm 2020 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bà N không muốn sống chung cùng gia đình chồng ở Đồng Nai mà muốn cả gia đình chuyển lên sinh sống tại quê ngoại ở xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Tuy nhiên, do mẹ ông N1 đã già yếu nên ông không đồng ý từ đó dẫn đến vợ chồng xảy ra tranh cãi, thường xuyên bất hoà. Đỉnh điểm của sự việc này là vào tháng 9 năm 2020, trong lúc hai vợ chồng có xảy ra tranh cãi vì không kìm chế được tính nóng của mình ông có tát bà N vào mặt thấy vậy bà N đã dọn đồ về nhà ngoại sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Hiện hai vợ chồng đã có cuộc sống riêng không còn liên lạc và quan tâm, chăm sóc cho nhau. Nay bà N xin ly hôn thì ông N1 xác định không còn tình cảm với bà N nữa nhưng vì ông theo đạo Công giáo nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 20/11/2019, hiện cháu H đang sống cùng ông. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ông ly hôn thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, ông không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Theo ông N1 trình bày là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Theo ông N1 trình bày là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện theo đúng quy định.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà N, ông N1.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà N. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 20/11/2019

cho ông N1 trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời bà N không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không đặt ra giải quyết. Bà N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”; bị đơn đang cư trú tại ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt đương sự:*

Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Tuyết N, bị đơn ông Nguyễn Trung N1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự giải quyết vụ án theo thủ tục chung, xử vắng mặt bà N, ông N1.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Ngọc Tuyết N và ông Nguyễn Trung N1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cấp giấy chứng nhận kết hôn số 58 ngày 19/7/2019 nên áp dụng Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Theo Bà N trình bày sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian rồi bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống. Hiện vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc cho nhau. Tòa án cũng đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Nguyễn Trung N1 đến Tòa làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông N1 nhưng ông N1 đã làm đơn xin vắng mặt, cho thấy ông N1 không muốn níu kéo cuộc hôn nhân này. Mặt khác, theo Biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn Trung N1 cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng ông đã trầm trọng, không có cơ hội hàn gắn vì hiện ông không còn tình cảm với bà N nữa, nguyên nhân ông không đồng ý ly hôn với bà N là do ông theo đạo Công giáo, theo quy định của đạo thì ông không được phép ly hôn. Bên cạnh đó tại Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông N1 mà chính quyền địa phương cho biết: Vợ chồng bà N, ông N1 có sống chung tại ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng nguyên nhân cụ thể là gì

thì địa phương không nắm rõ do đương sự không trình báo. Hiện ông N1 và bà N đã sống ly thân.

Xét thấy mâu thuẫn giữa Bà N2 và ông N1 đã thật sự trầm trọng, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc việc bà N xin ly hôn với ông N1 là có cơ sở. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc Tuyết N.

[2.2] *Về con chung*: Trong quá trình sống chung bà N và ông N1 có 01 (một) con chung là Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 20/11/2019. Khi ly hôn bà N đồng ý giao cháu H cho ông N1 trực tiếp nuôi dưỡng và ông N1 cũng đồng ý trực tiếp nuôi con và không yêu cầu bà N cấp dưỡng, hiện cháu H đang do ông N1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định và tạo điều kiện phát triển về mọi mặt của cháu và ghi nhận sự tự nguyện của các bên nên tiếp tục giao H cho ông N1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời bà N không cấp dưỡng nuôi con chung do bà N không có yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, bà N và ông N1 vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Bà N có quyền thăm nom con, không ai được cản trở thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] *Về tài sản chung*: Bà N, ông N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] *Về nợ chung*: Bà N, ông N1 trình không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí*: Bà N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc Tuyết N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc Tuyết N được ly hôn với ông Nguyễn Trung N1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 20/11/2019 cho ông Nguyễn Trung N1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời bà Nguyễn Ngọc Tuyết N không cấp dưỡng nuôi con. Vì không trực tiếp nuôi con nên bà Nguyễn Ngọc Tuyết N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc Tuyết N phải chịu tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0007987 ngày 14/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện Thống Nhất;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- UBND phường (xã) nơi ĐKKH;
- Lưu HS, VP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Thanh Xuân

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện Thống Nhất;
- UBND phường (xã) nơi cư trú;
- Lưu HS, VP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Thanh Xuân